

Số: 46 /2021/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 14 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phân cấp một số nội dung về quản lý chất lượng,
thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng

trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 364/TTr-SXD ngày 18 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân cấp thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chịu trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình trên địa bàn (trừ các công trình quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 4 Quyết định này) bao gồm: Công trình do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư; công trình do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép xây dựng;

b) Chủ trì giải quyết sự cố cấp II, cấp III đối với công trình xây dựng trên địa bàn quản lý;

Điều 2. Phân cấp thẩm quyền cho Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng và kiểm tra công tác nghiệm thu khi hoàn thành thi công xây dựng đối với các công trình xây dựng có yêu cầu bắt buộc phải kiểm tra công tác nghiệm thu theo Khoản 1 Điều 24 Nghị định 06/2021/NĐ-CP, cụ thể:

1. Công trình dân dụng

a) Công trình cấp IV sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn quản lý;

b) Công trình cấp III đối với mọi nguồn vốn trên địa bàn quản lý (quy định tại Danh mục kèm theo Quyết định này);

c) Công trình cải tạo, sửa chữa không làm thay đổi kết cấu chịu lực của công trình.

2. Công trình công nghiệp: Công trình đường dây và trạm biến áp cấp IV có cấp điện áp $\leq 35\text{kV}$ sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn quản lý”.

3. Công trình hạ tầng kỹ thuật

a) Công trình cấp IV gồm: Công trình chiếu sáng công cộng; nhà để xe ô tô (ngầm và nổi); sân bãi để xe ô tô, xe máy móc, thiết bị; công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; cống, bể, hào, hầm, tuy nèn kỹ thuật và kết cấu khác sử dụng cho cơ sở, tiện ích hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn quản lý;

b) Công trình cấp III gồm: Công trình cấp nước; công trình thoát nước; công trình xử lý chất thải rắn; công viên cây xanh; nghĩa trang; cột ăng ten, tháp thu phát sóng truyền thanh/truyền hình, cột BTS; cột đèn, cột điện trong hệ thống chiếu sáng... (quy định tại Danh mục kèm theo Quyết định này);

c) Các công trình cải tạo, sửa chữa có tổng mức đầu tư < 5 tỷ.

4. Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn

a) Công trình thủy lợi cấp IV (trừ: Hồ chứa nước, đập dâng, tường chắn nước có chiều cao >5m) có tổng mức đầu tư <7 tỷ đồng;

b) Công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn có tổng mức đầu tư <5 tỷ đồng.

5. Công trình giao thông cấp III, IV do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư hoặc được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền quyết định đầu tư.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền cho Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng và kiểm tra công tác nghiệm thu khi hoàn thành thi công xây dựng công trình cấp III, cấp IV nằm trong khu công nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 24 Nghị định 06/2021/NĐ-CP.

Điều 4. Trách nhiệm thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chỉ đạo, kiểm tra cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc trong việc tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về quản lý chất lượng công trình xây dựng và kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành khác và các cơ quan có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm đối với nội dung kiểm tra công tác nghiệm thu của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Phòng có chức năng quản lý về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Sở Xây dựng

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

b) Tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, an toàn trong thi công xây dựng trên địa bàn;

c) Chủ trì tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Bộ Xây dựng theo định kỳ, đột xuất về việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

3. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành khác (các Sở: Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương)

a) Chịu trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng theo quy định tại điểm b, điểm c và điểm d Khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

b) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 30 tháng 11 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn tỉnh.

4. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

a) Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh chịu trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trong khu công nghiệp;

b) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành giải quyết sự cố, giám định nguyên nhân sự cố công trình khi được yêu cầu;

c) Tổng hợp và báo cáo đột xuất, định kỳ vào ngày 30 tháng 11 hằng năm cho UBND tỉnh và Sở Xây dựng việc tuân thủ theo quy định về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trong phạm vi khu công nghiệp do mình quản lý.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành giám định nguyên nhân sự cố công trình khi được yêu cầu;

b) Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành rà soát, xử lý đối với các công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp thuộc địa bàn quản lý;

c) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 30 tháng 11 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn do mình quản lý.

6. Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chủ trì, phối hợp thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành và đảm bảo phù hợp với quy mô đã được giao tại Quyết định này;

b) Chịu trách nhiệm toàn bộ trước pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đối với các nội dung được phân cấp;

c) Tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp huyện đảm bảo nguồn lực và điều kiện cần thiết để thực hiện tốt nhiệm vụ được phân cấp, sắp xếp, bố trí cán bộ đủ năng lực, phù hợp với nhiệm vụ chuyên môn để thực hiện công tác kiểm tra nghiệm thu.

Điều 5. Xử lý chuyển tiếp

1. Công trình xây dựng khởi công trước ngày Quyết định này có hiệu lực thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng thì tiếp tục thực hiện việc kiểm tra công tác nghiệm thu theo Quyết định số 11 ngày 05 tháng 4 năm 2017 của UBND tỉnh Sơn La về ban hành Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Công trình xây dựng khởi công sau ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng thì thực hiện theo Quyết định này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 và thay thế Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc ban hành Quy định trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Sơn La. Các quy định trước đây của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương; Giám đốc Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Trưởng phòng có chức năng quản lý về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *AK*

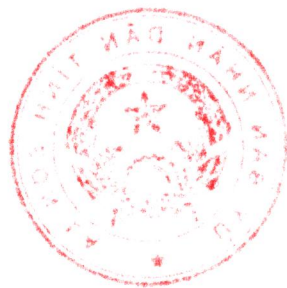
Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Xây dựng (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh Sơn La (b/c);
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Cục Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTCH, KT, NC, TH. 50b.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Quốc Khánh



DANH MỤC
CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT CẤP III THUỘC
THẨM QUYỀN CẤP HUYỆN KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU
(Ban hành kèm theo Quyết định số 46 /2021/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

TT	Loại công trình	Tiêu chí phân cấp	Công trình phân cấp
I	Nhà ở		
1	Nhà chung cư.	Số tầng	≤ 2
2	Nhà ở tập thể, ký túc xá.	Số tầng	≤ 2
II	Công trình giáo dục		
1	Nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường phổ thông các cấp.	Số tầng	≤ 2
2	Trường đại học, trường cao đẳng; Trường trung học chuyên nghiệp, trường dạy nghề, trường công nhân kỹ thuật, trường nghiệp vụ.	Số tầng	≤ 2
III	Công trình y tế		
	Bệnh viện, phòng khám (đa khoa hoặc chuyên khoa); trạm y tế; nhà hộ sinh, điều dưỡng, phục hồi chức năng, chỉnh hình, dưỡng lão; cơ sở phòng chống dịch bệnh; cơ sở nghiên cứu, thí nghiệm chuyên ngành y tế; các cơ sở y tế khác.	Số tầng	≤ 2
IV	Công trình thể thao		
1	Nhà thi đấu, tập luyện các môn thể thao.	Số tầng	≤ 2
V	Công trình văn hóa		
1	Trung tâm hội nghị, nhà hát, nhà văn hóa, câu lạc bộ, rạp chiếu phim, rạp xiếc, vũ trường; các công trình di tích; bảo tàng, thư viện, triển lãm, nhà trưng bày; công trình có tính biểu trưng, nghệ thuật (trượng đài ngoài trời), công trình vui chơi, giải trí; các công trình văn hóa khác.	Tổng sức chứa (nghìn người)	≤ 0,25
2	Pa nô, biển quảng cáo độc lập, cổng chào.	Chiều cao (m)	≤ 18
VI	Công trình tôn giáo, tín ngưỡng		
1	Công trình tôn giáo		
1.1	<i>Trụ sở của tổ chức tôn giáo, chùa, nhà thờ, nhà nguyện, thánh đường, thánh thất, niệm phật đường; trường đào tạo người chuyên hoạt động tôn giáo;</i>	Số tầng	01
1.2	<i>Trượng đài, bia, tháp và các công trình tôn giáo khác.</i>	Chiều cao (m)	≤ 18
2	Công trình tín ngưỡng: Đình, đền, am, miếu, từ đường (nhà thờ họ) và các công	Số tầng	01

	trình tín ngưỡng khác.		
VII	Công trình thương mại, dịch vụ và trụ sở làm việc		
1	Chợ	Số tầng	≤ 2
2	Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ; cơ sở nghỉ dưỡng; biệt thự lưu trú, căn hộ lưu trú và các cơ sở dịch vụ lưu trú khác	Số tầng	≤ 2
3	Trụ sở cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị.	Số tầng	≤ 2
4	Trụ sở làm việc của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp.	Số tầng	≤ 2
5	Trung tâm thương mại, siêu thị.	Số tầng	≤ 2
6	Cửa hàng, nhà hàng ăn uống, giải khát và công trình tương tự khác.	Số tầng	≤ 2
VIII	Công trình hạ tầng kỹ thuật		
1	Công trình cấp nước		
1.1	Nhà máy nước, công trình xử lý nước sạch (bao gồm cả công trình xử lý bùn cặn)	TCS (nghìn m ³ /ngày đêm)	< 5
1.2	Trạm bơm nước thô, nước sạch hoặc tăng áp (bao gồm cả bể chứa nước nếu có)	TCS (nghìn m ³ /ngày đêm)	< 6
2	Công trình thoát nước		
2.1	Hồ điều hòa	Diện tích (ha)	< 8
2.2	Trạm bơm nước mưa (bao gồm cả bể chứa nước nếu có)	TCS (m ³ /s)	< 5
2.3	Công trình xử lý nước thải	TCS (nghìn m ³ /ngày đêm)	< 5
2.4	Trạm bơm nước thải (bao gồm cả bể chứa nước nếu có)	TCS (m ³ /h)	< 300
2.5	Công trình xử lý bùn	TCS (m ³ /ngày đêm)	< 100
3	Công trình xử lý chất thải rắn (CTR)		
3.1	Cơ sở xử lý CTR	TCS (tấn/ngày đêm)	< 30
3.2	Cơ sở xử lý CTR nguy hại	TCS (tấn/ngày đêm)	< 10
4	Công viên cây xanh	Diện tích (ha)	< 10
5	Nghĩa trang	Diện tích (ha)	< 20
6	Cột ăng ten, tháp thu phát sóng truyền thanh/truyền hình; cột BTS; cột đèn, cột điện trong hệ thống chiếu sáng...	Chiều cao của kết cấu (m)	< 50
7	Đường ống/cống		

7.1	<i>Đường ống cấp nước (nước thô hoặc nước sạch)</i>	<i>Đường kính trong của ống (mm)</i>	<200
7.2	<i>Cống thoát nước mưa, cống chung</i>	<i>Đường kính trong của ống (mm)</i>	<1000
7.3	<i>Cống thoát nước thải</i>	<i>Đường kính trong của ống (mm)</i>	<400

Ghi chú:

- Số tầng trong tiêu chí phân cấp của danh mục này thuộc phần nội công trình. Trường hợp công trình có nhiều hơn 01 tầng hầm thì công trình không thuộc danh mục về phân cấp kiểm tra công tác nghiệm thu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện.

- Số tầng trong tiêu chí phân cấp của danh mục này không bao gồm tầng áp mái (Tầng áp mái là tầng nằm bên trong không gian của mái dốc mà toàn bộ hoặc một phần mặt đứng của nó được tạo bởi bề mặt mái nghiêng hoặc mái gấp, trong đó tường đứng (nếu có) không cao quá mặt sàn 1,5m).

- Trường hợp dự án đầu tư xây dựng gồm nhiều công trình chính độc lập với nhau, áp dụng tiêu chí phân cấp cao nhất tương ứng trong danh mục này để xác định thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình.

